

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 28/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đắk Lắk, ngày 06 tháng 12 năm 2018*

### **NGHỊ QUYẾT**

**Danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 héc ta đất trồng lúa thuộc Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của tỉnh Đắk Lắk**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

### **KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Đắk Lắk;

Xét Tờ trình số 137/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Danh mục các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất; công trình dự án khác có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất dưới 10ha héc ta đất trồng lúa thuộc Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 121/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Danh mục các dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển mục đích dưới 10 héc ta đất trồng lúa thuộc Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của tỉnh Đắk Lắk như sau:

1. Danh mục 185 dự án phải thu hồi đất với tổng diện tích là 1.523,74 héc ta.

*(Chi tiết tại Phụ lục 1, 1.1 đến 1.15 kèm theo)*

2. Danh mục 54 dự án đầu tư có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa với tổng diện tích là 72,87 héc ta.

*(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trong thời gian giữa hai kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh, trường hợp phải điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh để thực hiện các dự án quan trọng, cấp bách; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung kịp thời để triển khai, thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Nghị quyết về Danh mục các dự án và kết quả phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của từng dự án cụ thể phải thu hồi đất để quyết định kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2018./.

**CHỦ TỊCH**

**Y Biêr Niê**

**Phụ lục 1: DIỆN TÍCH ĐẤT PHẢI THU HỒI ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI,  
LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG NĂM 2019 PHÂN THEO HUYỆN VÀ LOẠI ĐẤT THU HỒI**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị tính: ha*

STT	Đơn vị	Tổng		Lấy vào loại đất												
		Số lượng	Diện tích (ha)	LUA	HNK	CLN	RDD	RSX	ONT	ODT	TSC	DTS	DYT	TMD	SKC	CSD
	<b>Tổng</b>	<b>185 CT</b>	<b>1.523,74</b>	<b>81,87</b>	<b>340,14</b>	<b>985,02</b>	<b>13,60</b>	<b>69,19</b>	<b>4,74</b>	<b>15,92</b>	<b>0,05</b>	<b>0,12</b>	<b>0,03</b>	<b>0,03</b>	<b>0,22</b>	<b>12,80</b>
1	Thành phố Buôn Ma Thuột	28	153,21	14,95	21,08	102,76			1,09	13,24	0,001			0,03	0,05	
2	Thị xã Buôn Hồ	16	44,07	0,705	4,03	37,39				1,94						
3	Huyện Buôn Đôn	7	31,90	0,12	3,73	1,65	13,60									12,80
4	Huyện Cư Kuin	7	58,74	0,20	31,61	26,85					0,05		0,03			
5	Huyện Cư M'gar	18	201,50	0,25	0,53	200,45			0,27	0,01						
6	Huyện Ea H'leo	13	456,15	2,94	102,32	330,26		19,41	0,99	0,23						
7	Huyện Ea Kar	8	302,45	0,50	109,15	192,60			0,03						0,17	
8	Huyện Ea Súp	8	95,10	7,45	25,34	35,05		25,00	2,20	0,06						
9	Huyện Krông Ana	9	4,14	1,90	0,20	2,03			0,003	0,003						
10	Huyện Krông Bông	9	8,88	6,84	1,05	0,76		0,09		0,02		0,12				
11	Huyện Krông Búk	19	29,70	0,62	11,53	9,15		8,40								
12	Huyện Krông Năng	6	3,02	0,50		2,48			0,04							
13	Huyện Krông Pắc	13	32,89	5,98	4,14	22,35				0,42						
14	Huyện Lắk	16	85,80	27,73	23,99	19,01		15,00	0,07							
15	Huyện M'drăk	8	16,20	11,19	1,44	2,23		1,29	0,05							

**Phụ lục 1.1: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BUỒN MA THUỘT**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	LUA	HNK	CLN	ONT	ODT	TSC	TMD	SKC	Khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Địa điểm (đến cấp xã)
	<b>Tổng</b>		<b>153,21</b>	<b>14,95</b>	<b>21,08</b>	<b>102,76</b>	<b>1,09</b>	<b>13,24</b>	<b>0,001</b>	<b>0,03</b>	<b>0,05</b>	<b>951.428</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách trung ương</b>		<b>55,48</b>	<b>14,30</b>	<b>12,50</b>	<b>23,68</b>		<b>5,00</b>				<b>570.103</b>	
1	Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk	DGD	5,53			5,53						6.650	Phường Tân An
2	Hồ thủy lợi Ea Tam	DTL	46,80	14,30	12,50	15,00		5,00				558.953	Phường Tự An
3	Cơ sở Chăm sóc nuôi dưỡng trẻ mồ côi (Mái ấm 1/6) và Trung tâm Dưỡng lão	DXH	3,15			3,15						4.500	Phường Tân An
<b>II</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách tỉnh</b>		<b>21,71</b>	<b>0,20</b>	<b>0,63</b>	<b>18,89</b>	<b>0,90</b>	<b>1,01</b>	<b>0,001</b>	<b>0,03</b>	<b>0,05</b>	<b>85.985</b>	
4	Mở rộng đường Y Ngông, đoạn Mai Xuân Thưởng - Tinh lộ 1	DGT	0,48		0,28	0,05		0,15				4.995	Phường Tân Tiến

5	Đường Thủ Khoa Huân	DGT	0,25					0,20			0,05	6.000	Phường Thành Nhất
6	Đường Đông Tây	DGT	20,89	0,20	0,35	18,84	0,90	0,60				74.580	Các phường Tân Thành, Tụ An
7	Khu vực tượng đài Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	DVH	0,09					0,06	0,001	0,03		410	Phường Tụ An
<b>III</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách thành phố</b>		<b>32,28</b>		<b>2,91</b>	<b>25,96</b>		<b>3,41</b>				<b>295.340</b>	
8	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu Tân Phong	DGT	0,20					0,20				14.000	Phường Tân Hòa
9	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 12, phường Tân An (khu chăn nuôi cũ)	DGT	2,29		2,01			0,28				50.000	Phường Tân An
10	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 12, phường Tân An (bên cạnh Nhà máy Bia và Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh)	DGT	0,05					0,05				3.000	Phường Tân An
11	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Tổ dân phố 4, phường Tân Lập	DGT	0,10					0,10				13.000	Phường Tân Lập
12	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tại phường	DGT	10,00			9,80		0,20				60.000	Phường Tân Lập

	Tân Lập (thuộc khu đô thị mới Đồi Thủy Văn và Trung tâm Thể dục thể thao) - giai đoạn 1												
13	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị Hồ thủy lợi Ea Tam (giai đoạn 1)	DGT	10,00		0,90	7,90		1,20				100.000	Phường Tự An
14	Nút thắt đường Lê Thánh Tông và đường Lý Thái Tổ	DGT	0,03					0,03				4.875	Phường Thắng Lợi, Tân An
15	Khu dân cư Tổ dân phố 4, phường Tân Lập	ODT	0,58			0,35		0,23				5.000	Phường Tân Lập
16	Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư Păn Lăm - Kôsiêr	ODT	5,77			4,77		1,00				37.155	Phường Tân Lập
17	Khu dân cư đường 30/4, Tổ dân phố 4, phường Thành Nhất	ODT	2,94			2,94						4.410	Phường Thành Nhất
18	Khu dân cư đường Nguyễn Thị Định, Tổ dân phố 4, phường Thành Nhất	ODT	0,32			0,20		0,12				3.900	Phường Thành Nhất
<b>IV</b>	<b>Dự án không thực hiện từ ngân sách nhà nước</b>		<b>43,74</b>	<b>0,45</b>	<b>5,04</b>	<b>34,23</b>	<b>0,19</b>	<b>3,82</b>					
19	Đường Giải Phóng đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh đến bùng binh Km 5, Quốc lộ 26 (đường N19)	DGT	7,88		2,50	4,58		0,80					Các phường Tân An, Tân Lập, Tân Hòa; xã Ea Tu

20	Mở rộng, nâng cấp đường Phan Huy Chú (đoạn từ Quốc lộ 14 đến Ủy ban nhân dân phường Khánh Xuân) (hình thức PPP)	DGT	1,00			0,80		0,20					Phường Khánh Xuân
21	Đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn từ Nguyễn Khuyến đến đường vành đai phía Tây) (hình thức PPP)	DGT	5,00		2,50	2,00		0,50					Phường Tân Lợi
22	Đường giao thông đoạn Quốc lộ 26 (km145+800) - Quốc lộ 14 (hình thức PPP)	DGT	6,50	0,45		5,85		0,20					Phường Tân Lợi
23	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến đường Nguyễn Hữu Thọ) (hình thức PPP)	DGT	2,10					2,10					Phường Tân Lợi, Tân An
24	Nhà trạm viễn thông	DBV	0,03			0,03							Xã Hòa Thắng
25	Trạm biến áp 110 kV Hòa Bình 2 và đầu nối	DNL	1.02		0.04	0.97	0.01						Các phường Tân An, Tân Lợi, Thành Nhất; xã Cư Êbur
26	Tiểu dự án Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh Đắk Lắk	DNL	0.20			0.15	0.03	0.02					Trên địa bàn các phường, xã

27	Mở rộng chợ Hòa Phú	DCH	0.50			0.35	0.15						Xã Hòa Phú
28	Khu dân cư Hà Huy Tập, phường Tân An thuộc Khu đô thị phía Bắc đường vành đai phía Tây, thành phố Buôn Ma Thuột	KDT	19.50			19.50							Phường Tân An

*Ghi chú: Về diện tích sử dụng đất được xác định cụ thể cho từng công trình, dự án sau khi đo đạc, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*



**Phụ lục 1.2: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	LUA	HNK	CLN	ODT	Khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Địa điểm (đến cấp xã)
	<b>Tổng</b>		<b>44,07</b>	<b>0,705</b>	<b>4,03</b>	<b>37,39</b>	<b>1,94</b>	<b>5.827</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách trung ương</b>		<b>2,26</b>	<b>0,70</b>	<b>0,35</b>	<b>1,21</b>		<b>1.011</b>	
1	Trụ sở Bảo hiểm xã hội thị xã Buôn Hồ	DSN	0,12			0,12		38	Phường An Lạc
2	Trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ	TSC	0,35		0,35			78	Phường An Lạc
3	Hồ Ea Nao Đar	DTL	0,72	0,20		0,52		360	Xã Cư Bao
4	Hồ Ea Ngách	DTL	1,00	0,50		0,50		500	Xã Ea Drông
5	Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	DNL	0,03			0,03		15	Xã Ea Drông

6	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk sử dụng nguồn vốn Trung ương (GD 2), giai đoạn 2015 - 2020	DNL	0,04			0,04		20	Xã Ea Siên
<b>II</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách tỉnh</b>		<b>4,80</b>		<b>0,20</b>	<b>4,60</b>		<b>4.664</b>	
7	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Khuyến	DGD	2,30			2,30		184	Phường An Bình
8	Trung tâm y tế thị xã Buôn Hồ	DYT	0,20		0,20			2.640	Phường An Lạc
9	Cầu buôn Tring	DGT	0,30			0,30		240	Phường An Lạc, xã Ea Blang
10	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi Chí An phường An Bình	DTL	2,00			2,00		1.600	Phường An Bình
<b>III</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách thị xã</b>		<b>0,19</b>			<b>0,19</b>		<b>152</b>	
11	Trường Mầm non Hoa Cau	DGD	0,10			0,10		80	Xã Ea Drông
12	Nhà xã Đội xã Bình Thuận	TSC	0,09			0,09		72	Xã Bình Thuận
<b>IV</b>	<b>Dự án không thực hiện từ ngân sách nhà nước</b>		<b>36,82</b>	<b>0,005</b>	<b>3,48</b>	<b>31,39</b>	<b>1,94</b>		
13	Trạm biến áp 110 kV Buôn Hồ và đấu nối	DNL	0,68		0,03	0,63	0,01		Phường Bình Tân, Thống Nhất

14	Tiểu dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Đắk Lắk	DNL	0,09	0,005	0,03	0,04	0,01	Phường Đoàn Kết, Thiện An, Thống Nhất, Đạt Hiếu
15	Khu đô thị Đông Nam	KDT	11,44			10,72	0,72	Phường An Lạc
16	Khu đô thị Tây Bắc II	KDT	24,61		3,41	19,99	1,20	Các phường An Lạc, Đạt Hiếu

*Ghi chú: Về diện tích sử dụng đất được xác định cụ thể cho từng công trình, dự án sau khi đo đạc, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*

**Phụ lục 1.3: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT**

**NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BUÔN ĐÔN**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	LUA	HNK	CLN	RDD	CSD	Khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Địa điểm (đến cấp xã)
	<b>Tổng</b>		<b>31,90</b>	<b>0,12</b>	<b>3,73</b>	<b>1,65</b>	<b>13,60</b>	<b>12,80</b>	<b>6.569</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách trung ương</b>		<b>26,45</b>			<b>0,05</b>	<b>13,60</b>	<b>12,80</b>	<b>25</b>	
1	Đường Tuần tra Biên giới tỉnh Đắk Lắk	DGT	26,40				13,60	12,80		Xã Krông Na
2	Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	DNL	0,02			0,02			10	Xã Cuôr Knia
3	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk sử dụng nguồn vốn Trung ương (GD 2), giai đoạn 2015 - 2020	DNL	0,03			0,03			15	Xã Ea Nuôl
<b>II</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách tỉnh</b>		<b>2,78</b>		<b>2,78</b>				<b>6.474</b>	

4	Mở rộng Bệnh viện đa khoa huyện	DYT	2,78		2,78			6.474	Xã Ea Wer
<b>III</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách huyện</b>		<b>0,13</b>		<b>0,13</b>			<b>70</b>	
5	Đường bên khu vực quy hoạch khu dân cư gần tiệm vàng Kim Hải	DGT	0,13		0,13			70	Xã Ea Bar
<b>IV</b>	<b>Dự án không thực hiện từ ngân sách nhà nước</b>		<b>2,54</b>	<b>0,12</b>	<b>0,82</b>	<b>1,60</b>			
6	Đường dây 220 kV từ trạm biến áp nâng Nhà máy điện mặt trời Srêpôk 1 về trạm biến áp 220 kV Nhà máy thủy điện Srêpôk 4	DNL	1,20		0,40	0,80			Xã Ea Wer
7	Trạm biến áp 110 kV Ea Súp và đấu nối	DNL	1,34	0,12	0,42	0,80			Các xã Cuôr Knia, Tân Hòa, Ea Bar, Ea Wer, Ea Huar, Krông Na

*Ghi chú: Về diện tích sử dụng đất được xác định cụ thể cho từng công trình, dự án sau khi đo đạc, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*

**Phụ lục 1.4: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT**

**NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ KUIN**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	LUA	HNK	CLN	TSC	DYT	Khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Địa điểm (đến cấp xã)
	<b>Tổng</b>		<b>58,74</b>	<b>0,20</b>	<b>31,61</b>	<b>26,85</b>	<b>0,05</b>	<b>0,03</b>	<b>51.633</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách trung ương</b>		<b>50,00</b>	<b>0,18</b>	<b>31,58</b>	<b>18,24</b>			<b>48.996</b>	
1	Đập Yên Nưa, xã Cư Êwi	DTL	50,00	0,18	31,58	18,24			48.996	Xã Cư Êwi
<b>II</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách tỉnh</b>		<b>1,71</b>			<b>1,63</b>	<b>0,05</b>	<b>0,03</b>	<b>2.436</b>	
2	Hệ thống thoát nước Khu trung tâm hành chính, xã Dray Bông	DGT	1,71			1,63	0,05	0,03	2.436	Xã Dray Bông, Ea Bông
<b>III</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách huyện</b>		<b>0,01</b>			<b>0,01</b>			<b>200</b>	
3	Đài tưởng niệm anh hùng liệt sĩ của huyện	DVH	0,01			0,01			200	Xã Ea Tiêu
<b>IV</b>	<b>Dự án không thực hiện từ ngân sách nhà nước</b>		<b>7,02</b>	<b>0,02</b>	<b>0,03</b>	<b>6,97</b>				

4	Dự án đường dây điện 110 kV từ Krông Pắc đi Krông Ana đi qua huyện Cư Kuin	DNL	0,20			0,20				Các xã
5	Trạm biến áp 110 kV Krông Bông và đầu nối	DNL	0,26	0,02	0,03	0,21				Các xã Ea Tiêu, Dray Bhang, Ea Bhook, Ea Hu, Hòa Hiệp
6	Trạm biến áp 220 kV Krông Ana và đầu nối	DNL	4,39			4,39				Các xã Ea Tiêu, Dray Bhang
7	Chợ Trung Hòa	DCH	2,17			2,17				Xã Ea Tiêu

*Ghi chú: Về diện tích sử dụng đất được xác định cụ thể cho từng công trình, dự án sau khi đo đạc, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*

**Phụ lục 1.5: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG  
CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ M'GAR**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	LUA	HNK	CLN	ONT	ODT	Khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Địa điểm (đến cấp xã)
	<b>Tổng</b>		<b>201,50</b>	<b>0,25</b>	<b>0,53</b>	<b>200,45</b>	<b>0,27</b>	<b>0,01</b>	<b>45.256</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách trung ương</b>		<b>5,26</b>	<b>0,20</b>		<b>5,06</b>			<b>2.630</b>	
1	Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	DNL	0,04			0,04			20	Xã Ea H'đing
2	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk sử dụng nguồn vốn Trung ương (GD 2), giai đoạn 2015 - 2020	DNL	0,02			0,02			10	Xã Ea Drong
3	Trạm bơm Cư M'gar	DTL	5,20	0,20		5,00			2.600	Các xã Quảng Tiến, Ea Drong
<b>II</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách</b>		<b>16,21</b>			<b>16,02</b>	<b>0,19</b>		<b>42.626</b>	



	<b>huyện</b>									
4	Mở rộng UBND xã Ea Mroh	TSC	0,14			0,14			150	Xã Ea Mroh
5	Đường vào khu đầu giá xã Quảng Hiệp	DGT	0,17			0,17			300	Xã Quảng Hiệp
6	Chợ Ea Kueh	DCH	0,15			0,15			150	Xã Ea Kuêh
7	Mở rộng nghĩa địa Quảng Tiến	NTD	3,00			3,00			3.000	Xã Quảng Tiến
8	Khu dân cư tổ dân phố 8, thị trấn Quảng Phú	ODT	12,73			12,73			38.801	Thị trấn Quảng Phú
9	Khu dân cư Buôn Jok	ONT	0,02			0,02			225	Xã Ea H'đing
<b>III</b>	<b>Dự án không thực hiện từ ngân sách nhà nước</b>		<b>179,41</b>	<b>0,05</b>	<b>0,03</b>	<b>179,26</b>	<b>0,06</b>	<b>0,01</b>		
10	Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh Đắk Lắk	DNL	0,22			0,15	0,06	0,01		Thị trấn Quảng phú, Ea Pók và các xã Ea Tul, Ea Drong, Cuor Đăng, Ea Mroh, Quảng Hiệp, Quảng Tiến, Ea M'Nang, Ea Kiết
11	Trạm biến áp 110 kV Ea Súp và đầu nối	DNL	0,19	0,05	0,03	0,11				Các xã Ea Kpam, Cư M'gar, Ea Mnang
12	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Cư M'gar	HNK	105,50			105,50				Xã Ea Kpam
13	Khu dân cư phía Tây đồi Cư H'lâm	ODT	60,00			60,00				Thị trấn Ea Pók

14	Khu dân cư đường Nguyễn Thị Minh Khai	ODT	13,50			13,50				Thị trấn Quảng Phú
<b>IV</b>	<b>Dự án bồi thường bằng đất</b>		<b>0,63</b>		<b>0,50</b>	<b>0,11</b>	<b>0,02</b>			
15	Mở thông tuyến đường đầu liên gia 5, thôn 8	DGT	0,004				0,004			Xã Ea Kpam
16	Chợ Ea Mroh	DCH	0,50		0,50					Xã Ea Mroh
17	Nhà sinh hoạt cộng đồng + sân thể thao buôn Koneh	DSH	0,07			0,06	0,02			Xã Cuôr Đăng
18	Hội trường thôn Hiệp Tiến	DSH	0,05			0,05				Xã Quảng Hiệp

*Ghi chú: Về diện tích sử dụng đất được xác định cụ thể cho từng công trình, dự án sau khi đo đạc, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*

**Phụ lục 1.6: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN EA H'LEO**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	LUA	HNK	CLN	RSX	ONT	ODT	Khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Địa điểm (đến cấp xã)
	<b>Tổng</b>		<b>456,15</b>	<b>2,94</b>	<b>102,32</b>	<b>330,26</b>	<b>19,41</b>	<b>0,99</b>	<b>0,23</b>	<b>138.770</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách trung ương</b>		<b>396,29</b>	<b>2,69</b>	<b>102,32</b>	<b>271,03</b>	<b>19,41</b>	<b>0,84</b>		<b>128.203</b>	
1	Đường Hồ Chí Minh, tuyến tránh thị trấn Ea Drăng (giai đoạn 2)	DGT	39,52		3,84	34,17	0,67	0,84		21.162	Xã Ea Ral, Dliê Yang, Ea Nam
2	Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	DNL	0,05			0,05				25	Xã Ea Wy
3	Xây dựng công trình thủy lợi Ea H'leo 1	DTL	356,72	2,69	98,48	236,81	18,74			107.016	Xã Ea H'Leo, Ea Ral, Ea Sol
<b>II</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách huyện</b>		<b>32,64</b>	<b>0,25</b>		<b>32,21</b>		<b>0,11</b>	<b>0,07</b>	<b>10.567</b>	
4	Khu trung tâm hành chính	TSC	30,00			30,00				5.127	Thị trấn Ea

											Đrăng
5	Mở mới đường giao thông sau Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai (cũ)	DGT	0,31			0,31				640	Xã Ea Nam
6	Mở mới tuyến đường quy hoạch mới giữa Công an huyện mới và UBMTTQVN	DGT	0,14			0,10		0,04		950	Thị trấn Ea Đrăng
7	Mở mới tuyến đường Ngô Gia Tự nối dài đến đường đi bãi rác thị trấn	DGT	0,13			0,10		0,03		850	Thị trấn Ea Đrăng
8	Mở rộng, nâng cấp xây dựng công trình đập Phù Mỹ	DTL	1,00			1,00				1.200	Xã Cư Mốt
9	Mương thoát nước thôn 11	DTL	0,01				0,01			100	Xã Ea Wy
10	Nhà văn hóa xã Ea Wy	DSH	0,25	0,25						200	Xã Ea Wy
11	Nhà văn hóa xã Cư Mốt	DSH	0,80			0,70	0,10			1.500	Xã Cư Mốt
<b>III</b>	<b>Dự án không thực hiện từ ngân sách nhà nước</b>		<b>27,22</b>			<b>27,02</b>	<b>0,04</b>	<b>0,16</b>			
12	Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh Đắk Lắk	DNL	0,14			0,10	0,04				Các xã Ea Sol, Ea Khal, Dliê Yang, Ea Hiao, Ea Wy, Cư Mốt, Ea H'leo
13	Khu dân cư Tổ dân phố 9, 10 thị trấn Ea Đrăng	DHT	27,08			26,92		0,16			Thị trấn Ea Đrăng

*Ghi chú: Về diện tích sử dụng đất được xác định cụ thể cho từng công trình, dự án sau khi đo đạc, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*

**Phụ lục 1.7: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT**

**NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN EA KAR**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	LUA	HNK	CLN	ONT	SKC	Khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Địa điểm (đến cấp xã)
	<b>Tổng</b>		<b>302,45</b>	<b>0,50</b>	<b>109,15</b>	<b>192,60</b>	<b>0,03</b>	<b>0,17</b>	<b>83.246</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách trung ương</b>		<b>301,02</b>	<b>0,50</b>	<b>108,94</b>	<b>191,58</b>			<b>78.510</b>	
1	Hợp phân bồi thường, giải phóng mặt bằng, di dân và tái định cư thuộc dự án Hồ chứa nước Krông Pắc Thượng	DTL	300,00		108,94	191,06			78.000	Xã Cư Yang, Cư Bông, Cư Elang
2	Hồ Đội 11	DTL	1,00	0,50		0,50			500	Xã Ea Kmút
3	Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	DNL	0,02			0,02			10	Xã Ea Týh
<b>II</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách tỉnh</b>		<b>0,05</b>		<b>0,01</b>	<b>0,01</b>	<b>0,03</b>		<b>3.000</b>	
4	Đường giao thông khu trung tâm xã Ea Ô	DGT	0,05		0,01	0,01	0,03		3.000	Xã Ea Ô

<b>III</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách huyện</b>		<b>1,17</b>			<b>1,00</b>		<b>0,17</b>	<b>1.736</b>	
5	Đường giao thông nội vùng trường Trung học cơ sở Lý Tự Trọng xã Ea Sô	DGT	1,00			1,00			1.080	Xã Ea Sô
6	Xây dựng trạm bơm nước thô thuộc dự án cấp nước thị trấn Ea Kar và Làm đường giao thông và công viên ven hồ	DTL	0,17					0,17	656	Thị trấn Ea Kar
<b>IV</b>	<b>Dự án không thực hiện từ ngân sách nhà nước</b>		<b>0,21</b>		<b>0,20</b>	<b>0,01</b>				
7	Dự án đầu tư bổ sung một số đoạn tuyến của Quốc lộ 26 và dự án BOT Quốc lộ 26 đoạn qua tỉnh Đắk Lắk - giai đoạn đầu bổ sung (có thu hồi đất để làm cống xả nước)	DGT	0,20		0,20					Xã Ea Tih, Cư Huê
8	Công trình thay cột BTLT bằng cột sắt đường dây 110 kV	DLN	0,01			0,01				Thị trấn Ea Kar

*Ghi chú: Về diện tích sử dụng đất được xác định cụ thể cho từng công trình, dự án sau khi đo đạc, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*

**Phụ lục 1.8: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT**

**NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN EA SÚP**

(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	LUA	HNK	CLN	RSX	ONT	ODT	Khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Địa điểm (đến cấp xã)
	<b>Tổng</b>		<b>95,10</b>	<b>7,45</b>	<b>25,34</b>	<b>35,05</b>	<b>25,00</b>	<b>2,20</b>	<b>0,06</b>	<b>47.306</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách trung ương</b>		<b>90,29</b>	<b>5,00</b>	<b>25,20</b>	<b>32,89</b>	<b>25,00</b>	<b>2,20</b>		<b>44.802</b>	
1	Kênh chính của kênh chính Đông thuộc dự án công trình Thủy lợi Hồ chứa nước Ia Mor	DTL	90,00	5,00	25,00	32,80	25,00	2,20		44.737	Xã Ia Lôp
2	Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	DNL	0,04			0,04				20	Xã Ia Jloi
3	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk sử dụng nguồn vốn Trung ương (GD 2), giai đoạn 2015 - 2020	DNL	0,05			0,05				25	Các xã Ea Bung, Ia Jloi

4	Trạm quan trắc tài nguyên nước Ya H'leo	DSN	0,20		0,20					20	Xã Ia R'vê
<b>II</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách tỉnh</b>		<b>1,88</b>	<b>1,82</b>					<b>0,06</b>	<b>2.504</b>	
5	Kiên cố hoá tuyến kênh xả lũ hạ lưu hồ trung chuyển - hồ chứa nước Ea Súp Thượng	DTL	0,27	0,21					0,06	2.343	Thị trấn Ea Súp
6	Hệ thống kênh nhánh kênh chính Đông Tây	DTL	1,61	1,61						161	Xã Ea Bung
<b>III</b>	<b>Dự án không thực hiện từ ngân sách nhà nước</b>		<b>2,93</b>	<b>0,63</b>	<b>0,14</b>	<b>2,16</b>					
7	Đường dây trung, hạ áp và trạm biến áp	DNL	2,00			2,00					Các xã Ia Rvê, Ea Rók, Ya Tờ Mốt, Cư Kbang, Ia Jloi, Ea Lê
8	Trạm biến áp 110kV Ea Súp và đầu nối	DNL	0,93	0,63	0,14	0,16					Các xã Cư Mlan, Ea Bung và thị trấn Ea Súp

*Ghi chú: Về diện tích sử dụng đất được xác định cụ thể cho từng công trình, dự án sau khi đo đạc, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*



**Phụ lục 1.9: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT**

**NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG ANA**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	LUA	HNK	CLN	ONT	ODT	Khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Địa điểm (đến cấp xã)
	<b>Tổng</b>		<b>4,14</b>	<b>1,90</b>	<b>0,20</b>	<b>2,03</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>1.124</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách trung ương</b>		<b>0,03</b>			<b>0,03</b>			<b>15</b>	
1	Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	DNL	0,01			0,01			5	Xã Bình Hòa
2	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk sử dụng nguồn vốn Trung ương (GD 2), giai đoạn 2015 - 2020	DNL	0,02			0,02			10	Xã Dur Kmäl
<b>II</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách tỉnh</b>		<b>3,00</b>	<b>1,80</b>		<b>1,20</b>			<b>852</b>	
3	Công trình thủy lợi Dray Sáp (Trạm bơm Buôn Kuốp)	DTL	3,00	1,80		1,20			852	Xã Dray Sáp
<b>III</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách huyện</b>		<b>0,88</b>	<b>0,04</b>	<b>0,20</b>	<b>0,64</b>			<b>257</b>	

4	Đường giao thông nông thôn khu dân cư Đông Nam, thị trấn Buôn Tráp	DGT	0,28			0,28			90	Thị trấn Buôn Tráp
5	Bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt xã Quảng Điền	DRA	0,36			0,36			115	Xã Quảng Điền
6	Nâng cấp xây dựng hệ thống thoát nước khu dân cư xóm 6, xóm 8, tổ dân phố 3, thị trấn Buôn Tráp	DTL	0,04	0,04					12	Thị trấn Buôn Tráp
7	Sân thể thao xã Quảng Điền	DTT	0,20		0,20				40	Xã Quảng Điền
<b>IV</b>	<b>Dự án không thực hiện từ ngân sách nhà nước</b>		<b>0,23</b>	<b>0,06</b>		<b>0,16</b>	<b>0,003</b>	<b>0,003</b>		
8	Trạm biến áp 220kV Krông Ana và đấu nối đoạn qua huyện Krông Ana	DNL	0,21	0,06		0,15				Xã Dray Sáp
9	Tiểu dự án Cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh Đắk Lắk	DNL	0,02			0,01	0,003	0,003		Thị trấn Buôn Tráp, xã Dur Kmál

*Ghi chú: Về diện tích sử dụng đất được xác định cụ thể cho từng công trình, dự án sau khi đo đạc, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*

**Phụ lục 1.10: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT**

**NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG BÔNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	LUA	HNK	CLN	RSX	ODT	DTS	Khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Địa điểm (đến cấp xã)
	<b>Tổng</b>		<b>8,88</b>	<b>6,84</b>	<b>1,05</b>	<b>0,76</b>	<b>0,09</b>	<b>0,02</b>	<b>0,12</b>	<b>3.263</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách trung ương</b>		<b>0,07</b>			<b>0,07</b>				<b>45</b>	
1	Trạm thủy văn xã Hòa Phong	DTS	0,05			0,05				35	Xã Hòa Phong
2	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk sử dụng nguồn vốn Trung ương (GD 2), giai đoạn 2015 - 2020	DNL	0,02			0,02				10	Xã Hòa Phong
<b>II</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách tỉnh</b>		<b>0,39</b>		<b>0,30</b>		<b>0,09</b>			<b>188</b>	
3	Trường mẫu giáo Nơh Prông	DGD	0,30		0,30					180	Xã Hòa Phong

4	Công trình cấp nước sinh hoạt xã Hòa Sơn	DTL	0,09				0,09			8	Xã Hòa Sơn
<b>III</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách huyện</b>		<b>7,01</b>	<b>6,78</b>	<b>0,11</b>				<b>0,12</b>	<b>3.030</b>	
5	Đường kết nối đầu cầu treo thôn 2 xã Hòa Lễ	DGT	0,11		0,11					66	Xã Hòa Lễ
6	Hồ 19/5 xã Hòa Thành	DTL	6,90	6,78					0,12	2.964	Xã Hòa Thành
<b>IV</b>	<b>Dự án không thực hiện từ ngân sách nhà nước</b>		<b>1,41</b>	<b>0,06</b>	<b>0,64</b>	<b>0,69</b>			<b>0,02</b>		
7	Xây dựng trạm biến áp TBA 110 kV	DNL	0,60		0,60						Thị trấn Krông Kmar
8	Trạm biến áp 110 kV Krông Bông và đầu nối	DNL	0,78	0,06	0,04	0,66			0,02		Xã Ea Trul, xã Hòa Sơn, thị trấn Krông Kmar
9	Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện phân phối khu vực huyện Krông Bông, tỉnh Đăk Lăk	DNL	0,03			0,03					Xã Dang Kang, Hòa Lễ, Cư Drăm

Ghi chú: Về diện tích sử dụng đất được xác định cụ thể cho từng công trình, dự án sau khi đo đạc, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

**Phụ lục 1.11: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA,  
CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG BÚK**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	LUA	HNK	CLN	RSX	Khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Địa điểm (đến cấp xã)
	<b>Tổng</b>		<b>29,70</b>	<b>0,62</b>	<b>11,53</b>	<b>9,15</b>	<b>8,40</b>	<b>18.243</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách trung ương</b>		<b>1,75</b>	<b>0,40</b>		<b>1,35</b>		<b>785</b>	
1	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk	TSC	0,30			0,30		60	Xã Cư Né
2	Hồ Ea Bơ 2	DTL	1,40	0,40		1,00		700	Các xã Cư Pong, Ea Sin
3	Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	DNL	0,01			0,01		5	Xã Ea Sin
4	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk sử dụng nguồn vốn Trung ương (GD 2), giai đoạn 2015 - 2020	DNL	0,04			0,04		20	Xã Ea Sin
<b>II</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách tỉnh</b>		<b>11,64</b>	<b>0,22</b>		<b>5,62</b>	<b>5,80</b>	<b>2.075</b>	
5	Đường giao thông trục chính trung tâm (N6) huyện Krông Búk	DGT	5,80				5,80	522	Xã Chư Kpô

6	Kiên cố hóa Kênh chính hồ Buôn Mùi II (1,3 km kênh loại III)	DTL	0,10	0,10			221	Xã Cư Né
7	Kiên cố hóa Kênh chính hồ Ea Bơ I (2 km kênh loại III)	DTL	0,12	0,12			265	Xã Cư Pong
8	Thủy lợi Ea Gir	DTL	5,62		5,62		1.067	Xã Ea Sin
<b>III</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách huyện</b>		<b>16,31</b>		<b>11,53</b>	<b>2,18</b>	<b>2,60</b>	<b>15.383</b>
9	Trường Tiểu học Tôn Đức Thắng tại trung tâm xã	DGD	0,35		0,35		811	Xã Ea Ngai
10	Mở rộng khuôn viên Trường Trung học cơ sở Nguyễn Công Trứ	DGD	0,04		0,04		104	Xã Ea Ngai
11	Đài ghi công liệt sỹ huyện Krông Búk	DVH	1,00		1,00		2.260	Xã Chư Kpô
12	Bệnh viện đa khoa	DYT	2,60			2,60	1.526	Xã Cư Né
13	Trụ sở làm việc và kho chứa tang vật vi phạm hành chính đơn vị Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng số 3	TSC	0,21		0,21		42	Xã Pong Drang
14	Đường vào trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Krông Búk và Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk	DGT	0,05		0,05		113	Xã Chư Kpô
15	Đường vào Nhà điều hành sản xuất điện lực Krông Búk	DGT	0,03		0,03		31	Xã Chư Kpô
16	Chợ Hòa Lộc	DCH	0,30		0,30		624	Xã Chư Kpô
17	Hội trường thôn Ea Plai	DSH	0,20		0,20		208	Xã Cư Né
18	Điểm dân cư Buôn Mùi	ONT	7,28	7,28			5.824	Xã Cư Né
19	Khu ở 1 - Trung tâm huyện Krông Búk	ONT	4,25	4,25			3.840	Xã Cư Né

Ghi chú: Về diện tích sử dụng đất được xác định cụ thể cho từng công trình, dự án sau khi đo đạc, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

**Phụ lục 1.12: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA,  
CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG NĂNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	LUA	CLN	ONT	Khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Địa điểm (đến cấp xã)
	<b>Tổng</b>		<b>3,02</b>	<b>0,50</b>	<b>2,48</b>	<b>0,04</b>	<b>1.435</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách trung ương</b>		<b>2,87</b>	<b>0,50</b>	<b>2,37</b>		<b>1.435</b>	
1	Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	DNL	0,10		0,10		50	Các xã Ea Toh, Cư Klông, Đliê Ya
2	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk sử dụng nguồn vốn Trung ương (GĐ 2), giai đoạn 2015 - 2020	DNL	0,07		0,07		35	Xã Ea Đah
3	Hồ Ea Blông Thượng	DTL	2,00	0,30	1,70		1.000	Các xã Đliê Ya, Ea Tân
4	Hồ Ea Kmiên 3	DTL	0,70	0,20	0,50		350	Xã Phú Xuân
<b>II</b>	<b>Dự án không thực hiện từ ngân sách nhà nước</b>		<b>0,15</b>		<b>0,11</b>	<b>0,04</b>		

5	Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh Đắk Lắk	DNL	0,14		0,10	0,04		Thị trấn Krông Năng và các xã Ea Hồ, Phú Xuân, Cư K'lông
6	Thay cột BTLT bằng cột sắt ĐZ 100kV khu vực các tỉnh Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông	DNL	0,01		0,01			Xã Phú Xuân

*Ghi chú: Về diện tích sử dụng đất được xác định cụ thể cho từng công trình, dự án sau khi đo đạc, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*



**Phụ lục 1.13: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG PẮC**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	LUA	HNK	CLN	ODT	Khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Địa điểm (đến cấp xã)
	<b>Tổng</b>		<b>32,89</b>	<b>5,98</b>	<b>4,14</b>	<b>22,35</b>	<b>0,42</b>	<b>7.968</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách trung ương</b>		<b>3,86</b>	<b>0,80</b>	<b>0,04</b>	<b>3,02</b>		<b>1.930</b>	
1	Trạm Thủy văn Hồ Krông Búk Hạ	DSN	0,04		0,04			20	Xã Vụ Bản
2	Hồ Ea Uy thượng	DTL	1	0,2		0,8		500	Các xã Ea Yông, Hòa Tiến
3	Hồ Buôn Dung II	DTL	2,1	0,4		1,7		1050	Các xã Ea Yông, Ea Kênh
4	Hồ Đội 11	DTL	0,7	0,2		0,5		350	Xã Ea Kly
5	Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	DNL	0,02			0,02		10	Xã Vụ Bản
<b>III</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách tỉnh</b>		<b>4,37</b>	<b>1,10</b>	<b>2,40</b>	<b>0,85</b>	<b>0,02</b>	<b>5.282</b>	
6	Đường giao thông quanh bờ hồ, khu du lịch Hồ Tân An	DGT	2,57	0,54	1,21	0,80	0,02	3.722	Thị trấn Phước An
7	Cầu thôn 11, 14	DGT	0,15		0,15			38	Xã Ea Uy

8	Cầu thôn Tân Quý	DGT	0,15		0,10	0,05		38	Xã Vụ Bản
9	Kiên cố hóa hệ thống kênh mương Ea Oh	DTL	1,50	0,56	0,94			1.485	Xã Krông Búk
<b>III</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách huyện</b>		<b>0,70</b>	<b>0,67</b>		<b>0,03</b>		<b>756</b>	
10	Đường giao thông nội đồng liên xã Ea Hiu đi Ea Phê (Đoạn từ cánh đồng lúa Đội II đi cánh đồng lúa nước 318)	DGT	0,70	0,67		0,03		756	Xã Ea Phê, Ea Hiu
<b>IV</b>	<b>Dự án không thực hiện từ ngân sách nhà nước</b>		<b>23,96</b>	<b>3,41</b>	<b>1,70</b>	<b>18,45</b>	<b>0,40</b>		
11	Dự án đầu tư bổ sung một số đoạn tuyến của Quốc lộ 26 và dự án BOT Quốc lộ 26 đoạn qua tỉnh Đắk Lắk - giai đoạn đầu tư bổ sung	DGT	6,67	0,39	0,63	5,65			Xã Ea Phê, Krông Búk, Ea Kly
12	Đường dây 110 kV Krông Pắc - Krông Ana	DNL	0,27		0,01	0,26			Các xã Ea Yông, Ea Kênh, Ea Knuéc, Hòa Đông; thị trấn Phước An
13	Dự án phát triển nhà ở đô thị tại Khu đô thị Đông Bắc	ODT	17,02	3,02	1,06	12,54	0,40		Thị trấn Phước An

*Ghi chú: Về diện tích sử dụng đất được xác định cụ thể cho từng công trình, dự án sau khi đo đạc, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*

**Phụ lục 1.14: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA,  
CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LẮK**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	LUA	HNK	CLN	RSX	ONT	Khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Địa điểm (đến cấp xã)
	<b>Tổng</b>		<b>85,80</b>	<b>27,73</b>	<b>23,99</b>	<b>19,01</b>	<b>15,00</b>	<b>0,07</b>	<b>4.295</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách trung ương</b>		<b>49,45</b>	<b>18,70</b>	<b>12,70</b>	<b>6,05</b>	<b>12,00</b>		<b>1.085</b>	
1	Đê bao ngăn lũ phía nam sông Krông Ana huyện Lắk (thuộc 3 xã Đăk Liêng, Buôn Tría, buôn Triết)	DTL	11,70	9,70	2,00				540	Xã Đăk Liêng, Buôn Triết, Buôn Tría
2	Hồ Buôn Biếp	DTL	37,70	9,00	10,70	6,00	12,00		520	Xã Yang Tao
3	Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đăk Lăk giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	DNL	0,02			0,02			10	Xã Buôn Triết
4	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đăk Lăk sử dụng nguồn vốn Trung ương (GD 2), giai đoạn 2015 - 2020	DNL	0,03			0,03			15	Xã Bông Krang
<b>II</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách tỉnh</b>		<b>34,18</b>	<b>7,32</b>	<b>10,90</b>	<b>12,96</b>	<b>3,00</b>		<b>2.652</b>	
5	Đường giao thông liên xã Yang Tao đi Đăk Liêng	DGT	15,00	3,30	5,00	3,70	3,00		2.252	Xã Yang Tao

6	Cầu và đường hai đầu cầu Đăk Pok	DGT	0,20	0,20					45	Xã Yang Tao
7	Công trình thủy lợi Mang Kuin	DTL	6,50	2,50	4,00				130	Xã Bông Krang
8	Trạm bơm Ea R'bin 2 và hệ thống kênh mương	DTL	0,70		0,70				60	Xã Buôn Tría, Đăk Liêng
9	Thủy lợi JaTu II	DTL	11,78	1,32	1,20	9,26			165	Xã Buôn Triết
<b>III</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách huyện</b>		<b>1,53</b>	<b>1,08</b>	<b>0,38</b>			<b>0,07</b>	<b>558</b>	
10	Trường mầm non Vành Khuyên điểm chính trung tâm xã Buôn Triết	DGD	0,35		0,30			0,05	150	Xã Buôn Triết
11	Mở rộng đường đi dân sinh tại buôn Tung 2, xã Buôn Triết	DGT	0,02	0,02					12	Xã Buôn Triết
12	Nhà sinh hoạt cộng đồng 6 thôn, buôn (Thôn Liên Kết 1, Liên Kết 2, Liên Kết 3, Đông Giang 2, Buôn Tría, Tân Giang)	DSH	0,30	0,20	0,08			0,02	90	Xã Buôn Tría
13	Nhà văn hóa xã	DVH	0,50	0,50					130	Xã Buôn Tría
14	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Tổ dân phố 1 tại lô O, lô C	ODT	0,36	0,36					176	Thị trấn Liên Sơn
<b>IV</b>	<b>Dự án không thực hiện từ ngân sách nhà nước</b>		<b>0,64</b>	<b>0,63</b>	<b>0,01</b>					
15	Trạm biến áp 110 kV	DNL	0,63	0,63						Xã Đăk Liêng
16	Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện phân phối khu vực huyện Lăk (Đăk Nuê, Bông Krang, Yang Tao, Buôn Triết, Đăk Phoi, TT. Liên Sơn)	DNL	0,01		0,01					Các xã Đăk Nuê, Bông Krang, Yang Tao, Buôn Triết, Đăk Phoi và thị trấn Liên Sơn

Ghi chú: Về diện tích sử dụng đất được xác định cụ thể cho từng công trình, dự án sau khi đo đạc, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

**Phụ lục 1.15: DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA,  
CÔNG CỘNG PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN M'DRẮK**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	LUA	HNK	CLN	RSX	ONT	Khái toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (triệu đồng)	Địa điểm (đến cấp xã)
	<b>Tổng</b>		<b>16,20</b>	<b>11,19</b>	<b>1,44</b>	<b>2,23</b>	<b>1,29</b>	<b>0,05</b>	<b>1.992</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách trung ương</b>		<b>3,00</b>	<b>1,20</b>		<b>1,80</b>			<b>1.500</b>	
1	Hồ C19	DTL	1,50	0,60		0,90			750	Xã Ea Riêng
2	Hồ 725	DTL	1,50	0,60		0,90			750	Xã Ea Riêng
<b>II</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách tỉnh</b>		<b>2,86</b>	<b>0,13</b>	<b>1,44</b>		<b>1,29</b>		<b>363</b>	
3	Trường Trung học cơ sở Cư K'róa	DGD	1,15				1,15		115	Xã Cư K'róa
4	Làm mới đường từ tuyến liên thôn Tắc Đrưng - Ea Sanh và khu dân cư Ea Khắc (thôn Ea Krông); đường từ tuyến liên thôn (Tắc Đrưng - Ea Sanh) và khu dân	DGT	1,71	0,13	1,44		0,14		248	Xã Cư San

	cur Ea Rai (thôn Ea Krông); đường ngã ba sông Chò đi Ea Tar								
<b>III</b>	<b>Dự án thực hiện từ ngân sách huyện</b>		<b>0,50</b>	<b>0,36</b>		<b>0,14</b>			<b>129</b>
5	Xây dựng điểm trường Mẫu giáo Hoa Thủy Tiên thôn 9 xã Ea Hmlay	DGD	0,14			0,14			50 Xã Ea Hmlay
6	Đường khu dân cư nối tổ dân phố 8 đến tổ dân phố 3, thị trấn M'Đrắk	DGT	0,36	0,36					79 Thị trấn M'Đrắk
<b>IV</b>	<b>Dự án không thực hiện từ ngân sách nhà nước</b>		<b>9,84</b>	<b>9,50</b>		<b>0,29</b>		<b>0,05</b>	
7	Tiểu dự án cải tạo và phát triển lưới điện phân phối tỉnh Đắk Lắk (tại huyện M'Đrắk)	DNL	0,34			0,29		0,05	Các xã Cư Króa, Ea Pil, Krông Jing, Cư Mta, Cư Prao, Ea H'mlay và thị trấn M'Đrắk
8	Khu dân cư đường Bùi Thị Xuân	ODT	9,50	9,50					Thị trấn M'Đrắk

Ghi chú: Về diện tích sử dụng đất được xác định cụ thể cho từng công trình, dự án sau khi đo đạc, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

**Phụ lục 2: DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG DƯỚI 10 HÉC TA ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM 2019  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Hạng mục	Mã loại đất QH	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
	<b>Tổng</b>		<b>72,87</b>	
<b>I</b>	<b>Thành phố Buôn Ma Thuột</b>		<b>0,20</b>	
1	Đường Đông Tây	DGT	0,20	Các phường Tân Thành, Tự An
<b>II</b>	<b>Thị xã Buôn Hồ</b>		<b>0,70</b>	
2	Hồ Ea Nao Đar	DTL	0,20	Xã Cư Bao
3	Hồ Ea Ngách	DTL	0,50	Xã Ea Drông
<b>III</b>	<b>Huyện Buôn Đôn</b>		<b>0,12</b>	
4	Trạm biến áp 110 kV Ea Súp và đầu nối	DNL	0,12	Các xã Cuôr Knia, Tân Hòa, Ea Bar, Ea Wer, Ea Huar, Krông Na
<b>IV</b>	<b>Huyện Cư M'gar</b>		<b>3,20</b>	
5	Trạm biến áp 110 kV Ea Súp và đầu nối	DNL	0,05	Các xã Ea Kpam, Cư M'gar, Ea Mngang
6	Trạm bơm Cư M'gar	DTL	0,20	Các xã Quảng Tiến, Ea Drong
7	Khu du lịch sinh thái cộng đồng Ea Sah B	TMD	2,95	Xã Ea Tul
<b>V</b>	<b>Huyện Ea Kar</b>		<b>0,50</b>	
8	Hồ Đội 11	DTL	0,50	Xã Ea Kmút
<b>VI</b>	<b>Huyện Ea Súp</b>		<b>9,04</b>	

9	Trạm biến áp 110kV Ea Súp và đầu nối	DNL	0,63	Các xã Cư Mlan, Ea Bung và thị trấn Ea Súp
10	Hệ thống kênh nhánh kênh chính Đông Tây	DTL	1,61	Xã Ea Bung
11	Nghĩa địa thôn 6	NTD	6,80	Xã Ya Tờ Mốt
<b>VII</b>	<b>Huyện Krông Ana</b>		<b>1,90</b>	
12	Trạm biến áp 220kV Krông Ana và đầu nối đoạn qua huyện Krông Ana	DNL	0,06	Xã Dray Sáp
13	Công trình thủy lợi Dray Sáp (Trạm bơm Buôn Kuốp)	DTL	1,80	Xã Dray Sáp
14	Nâng cấp xây dựng hệ thống thoát nước khu dân cư xóm 6, xóm 8, tổ dân phố 3, thị trấn Buôn Tráp	DTL	0,04	Thị trấn Buôn Tráp
<b>VIII</b>	<b>Huyện Krông Bông</b>		<b>7,02</b>	
15	Đầu tư xây dựng chợ xã Khuê Ngọc Điền	DCH	0,17	Xã Khuê Ngọc Điền
16	Trạm biến áp 110KV Krông Bông và đầu nối	DNL	0,07	Xã Ea Trul, xã Hòa Sơn, TT.Krông Kmar
17	Hồ 19/5 xã Hòa Thành	DTL	6,78	Xã Hòa Thành
<b>IX</b>	<b>Huyện Krông Búk</b>		<b>7,62</b>	
18	Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm tại các xã	CLN	7,00	Các xã
19	Hồ Ea Bơ 2	DTL	0,40	Các xã Cư Pong, Ea Sin
20	Kiên cố hóa Kênh chính hồ Buôn Mùi II (1,3 km kênh loại III)	DTL	0,10	Xã Cư Né
21	Kiên cố hóa Kênh chính hồ Ea Bơ I (2 km kênh loại III)	DTL	0,12	Xã Cư Pong
<b>X</b>	<b>Huyện Krông Năng</b>		<b>4,00</b>	
22	Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	CLN	2,00	Xã Dliê Ya
23	Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất ở nông thôn	ONT	1,50	Xã Dliê Ya
24	Hồ Ea Blông Thượng	DTL	0,30	Các xã Đliê Ya, Ea Tân



25	Hồ Ea Kmiên 3	DTL	0,20	Xã Phú Xuân
<b>XI</b>	<b>Huyện Krông Pắc</b>		<b>6,65</b>	
26	Đường giao thông liên xã Ea Kuăng - Ea Hiu	DGT	0,18	Xã Ea Kuăng
27	Đường giao thông quanh bờ hồ, khu du lịch Hồ Tân An	DGT	0,54	Thị trấn Phước An
28	Đường giao thông nội đồng liên xã Ea Hiu đi Ea Phê (Đoạn từ cánh đồng lúa Đội II đi cánh đồng lúa nước 318)	DGT	0,67	Xã Ea Phê, Ea Hiu
29	Dự án đầu tư bổ sung một số đoạn tuyến của Quốc lộ 26 và dự án BOT Quốc lộ 26 đoạn qua tỉnh Đắk Lắk - giai đoạn đầu tư bổ sung	DGT	0,39	Xã Ea Phê, Krông Búk, Ea Kly
30	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Phước Thọ 2	DSH	0,10	Xã Ea Phê
31	Kiên cố hóa hệ thống kênh mương Ea Oh	DTL	0,56	Xã Krông Búk
32	Hồ Ea Uy thượng	DTL	0,20	Các xã Ea Yông, Hòa Tiến
33	Hồ Buôn Dung II	DTL	0,40	Các xã Ea Yông, Ea Kênh
34	Hồ Đội 11	DTL	0,20	Xã Ea Kly
35	Sân thể thao xã Hòa An	DTT	0,39	Xã Hòa An
36	Dự án phát triển nhà ở đô thị tại Khu đô thị Đông Bắc	ODT	3,02	Thị trấn Phước An
<b>XII</b>	<b>Huyện Lắk</b>		<b>20,86</b>	
37	Mở rộng các tuyến giao thông nội đồng	DGT	1,89	Toàn huyện
38	Mở rộng đường giao thông nông thôn liên xã Buôn Tría, Buôn Triết	DGT	1,40	Xã Buôn Tría, Buôn Triết
39	Cầu và đường hai đầu cầu Đắk Pok	DGT	0,20	Xã Yang Tao
40	Dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng	DNL	0,01	Xã Buôn Tría, Buôn Triết, Đắk Liêng
41	Nhà sinh hoạt cộng đồng 6 thôn, buôn (Thôn Liên Kết 1, Liên Kết 2, Liên Kết 3, Đông Giang 2, Buôn Tría, Tân Giang)	DSH	0,20	Xã Buôn Tría
42	Kiên cố hóa đập dâng Yang Lah	DTL	1,20	xã Đắk Liêng

43	Nâng cấp sửa chữa kênh tưới đập dâng La Tăng Poh	DTL	0,08	xã Bông Krang
44	Nâng cấp kiên cố hóa kênh mương thủy lợi	DTL	0,70	Toàn huyện
45	Hồ Buôn Biếp	DTL	9,00	Xã Yang Tao
46	Công trình thủy lợi Mang Kuin	DTL	2,50	Xã Bông Krang
47	Thủy lợi JaTu II	DTL	1,32	Xã Buôn Triết
48	Nhà văn hóa xã	DVH	0,50	Xã Buôn Tría
49	Xây dựng hạ tầng khu dân cư Tổ dân phố 1 tại lô O, lô C	ODT	0,36	Thị trấn Liên Sơn
50	Chuyển mục đích sang đất ở theo nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện	OTC	1,50	Toàn huyện
<b>XIII</b>	<b>Huyện M'đắk</b>		<b>11,06</b>	
51	Hồ C19	DTL	0,60	Xã Ea Riêng
52	Hồ 725	DTL	0,60	Xã Ea Riêng
53	Đường khu dân cư nối tổ dân phố 8 đến tổ dân phố 3, thị trấn M'Đrắk	DGT	0,36	Thị trấn M'Đrắk
54	Khu dân cư đường Bùi Thị Xuân	ODT	9,50	Thị trấn M'Đrắk